TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 606/2024/DS-PT
Ngày: 12 - 12 - 2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**.

Các Thẩm phán: + Ông **Huỳnh Việt Trung**

+ Bà **Nguyễn Ái Đoan**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*:** Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 543/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1972, (vắng);

Địa chỉ: Số D, tổ E, ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Tạ Kim T**, sinh năm 1963, (có mặt);

Địa chỉ: Số E, đường "đường C, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Võ Thị Thu N**, sinh năm 1971, (vắng);

2.2. Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1970, (có mặt);

Địa chỉ: Tổ E, ấp D, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn - Ông Trần Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

-Nguyên đơn Nguyễn Thị C có người đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T trình bày:

Vợ chồng bà Võ Thị Thu N và ông Trần Văn P có mối quan hệ thân thiết với bà C, do ở chung lối xóm thường xuyên qua lại với nhau. Trong các năm 2019 đến 2020, bà C có tổ chức nhiều dây hụi, vợ chồng bà Võ Thị Thu N và ông Trần Văn P có tham gia chơi 12 dây hụi của bà C. Ông P, bà N nói cần tiền lo cho con học đại học ở thành phố và xây nhà, nên ông P, bà N nói bà C cho hốt hụi và mượn hụi của các hụi viên để hốt và sẽ đóng lại đầy đủ cho bà C. Do là chỗ thân thiết nên bà C tin tưởng và cho ông P, bà N hốt hụi và mượn hụi, nhưng sau đó không đóng lại hụi chết cho bà C. Cụ thể từng dây hụi bà N, ông P hốt và nợ như sau:

* Hụi tham gia chơi gồm 12 phần:

1. Dây hụi nửa tháng 1.000.000đ khui ngày 15/01/2019 ÂL gồm 35 phần, bà N tham gia 2 phần. Phần 1 bà N hốt lần thứ 2 được 23.100.000đ. Phần 2 bà N hốt lần thứ 4 được 21.270.000đ. Sau khi hốt hụi cả 2 phần, bà N đóng hụi chết được 32 lần thì không đóng nữa. Mãn hụi ngày 15/5/2020 AL, dây hụi này bà N còn nợ hụi chết của 2 phần hụi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

2. Dây hụi 1.000.000đ nữa tháng khui ngày 10/7/2019 ÂL gồm 38 phần, bà N tham gia 2 phần. Phần 1 bà N hốt lần thứ 3 được 25.500.000đ. Phần 2 bà N hốt lần thứ 7 được 26.400.000đ. Ngoài ra, dây hụi này bà C cho bà N mượn phần hụi sống của bà 8 Hung hốt lần thứ 12, vào ngày 30/02/2020 được 15.100.000đ. Dây hụi này mãn hụi ngày 25/12/2020, bà N còn nợ 18 lần hụi chết của 3 phần hụi là 54.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng). Bà C đã choàng hụi cho bà T1 nên yêu cầu bà N trả lại cho bà C.

3. Dây 1.000.000đồng nữa tháng, khui ngày 05/10/2019 ÂL gồm 40 phần, bà N tham gia 2 phần. Phần 1 bà N hốt lần thứ 5 được 27.500.000đ. Phần 2 bà N hốt lần thứ 12 được 29.300.000đ. Dây hụi này đã mãn và bà N còn nợ 25 lần hụi chết của 2 phần hụi là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

4. Dây 1.000.000đ nữa tháng khui 1 lần, khui ngày 05/01/2020 ÂL gồm 30 phần, bà N tham gia 2 phần. Phần 1 bà N hốt lần thứ 5 được 20.500.000đ. Phần 2 bà N hốt lần thứ 9 được 21.400.000đ**.** Dây hụi này mãn ngày 20/02/2022AL, bà N còn nợ 21 lần hụi chết của 2 phần hụi là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

5. Dây hụi nửa tháng 2.000.000đ khui ngày 05/10/2019 ÂL gồm 40 phần, bà N tham gia 2 phần. Phần 1 bà N hốt lần thứ 3 được 53.800.000đ. Phần 2 bà N hốt lần thứ 9 được 56.800.000đ. Bà N đóng lần thứ 14 ngưng không đóng. Dây hụi này đã mãn ngày 20/5/2021**,** bà N còn nợ 25 lần hụi chết của 2 phần hụi là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

6. Dây hụi 1.000.000đ hụi tháng khui ngày 15/02/2018 ÂL gồm 28 phần, bà N tham gia 2 phần. Phần 1 bà N hốt lần thứ 2 được 16.950.000đ. Phần 2 bà N hốt lần thứ 12 được 19.300.000đ. Hụi mãn 15/4/2020 al. Bà N đóng lại hụi chết đến nay còn nợ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

7. Dây hụi tháng 1.000.000đ, khui ngày 25/7/2019 Âl gồm 27 phần, bà N tham gia 2 phần. Phần 1 bà N hốt lần thứ 3 được 17.800.000đ (Mười bảy triệu tám trăm ngàn đồng). Còn 1 phần hụi sống bà N đóng được 7.000.000đ. Bà N đóng lại hụi chết còn 17 lần thì ngưng. Mãn hụi ngày 25/10/2021 AL. Bà N còn nợ 17 lần hụi chết (01 phần) – 7.000.000đ = 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

8. Dây hụi tháng 2.000.000đ. Khui ngày 10/6/2019 ÂL, gồm II dây, mỗi dây 28 phần, bà N tham gia 02 phần. Dây thứ I, bà N hốt lần thứ 11 ngày 10/4/2020 ÂL được 43.200.000đ. Dây thứ II, bà N hốt lần thứ 5 ngày 10/10/2019 ÂL, được 38.200.000đ. Sau đó bà N không đóng hụi chết, dây hụi này bà N còn nợ 17 lần hụi chết, mãn hụi ngày 10/8/2021 ÂL. Bà N còn nợ 68.000.000đồng (Sáu mươi tám triệu đồng).

9. Dây hụi 500.000đ mười ngày khui 1 lần, khui ngày 10/6/2019 ÂL, gồm II dây, mỗi dây 37 phần, bà N tham gia tổng cộng 04 phần. Dây I, bà N hốt lần đầu được 12.050.000đ, hốt lần thứ 7 được 12.800.000đ. Dây II, bà N hốt lần thứ 2 là 12.200.000đ, hốt lần thứ 6 được 12.650.000đ. Bà N đóng hụi chết 33 lần ngưng. Hụi mãn ngày 10/5/2020 AL. 02 dây hụi này bà N còn nợ 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

10. Dây hụi tuần 200.000đ, khui ngày 01/12/2019 ÂL khui II dây, mỗi dây 32 phần, bà N tham gia tổng cộng 04 phần. Lần thứ 3, bà N hốt 2 phần, mỗi phần hốt được 4.556.000đ. Lần thứ 4, bà N hốt 2 phần còn lại, mỗi phần hốt được 4.500.000đ. Bà N đóng hụi chết còn 9 lần thì ngưng không đóng nữa. Hiện dây hụi này còn nợ 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

11. Hụi tuần 300.000đ, khui ngày 16/01/2020 ÂL, gồm III dây, mỗi dây 33 phần, bà N tham gia tổng cộng 06 phần. Lần thứ 2, bà N hốt 03 phần, hốt được 21.150.000đ. Lần thứ 3, bà N hốt 03 phần còn lại, hốt được 21.150.000đ. Bà N đóng hụi chết còn 17 lần thì ngưng không đóng nữa. Mãn hụi ngày 03/8/2020 AL 06 dây hụi này bà N còn nợ 30.600.000đồng (Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng) (Mỗi dây N nợ:10.200.000đ)

12. Dây hụi tuần 300.000đ khui ngày 24/4/2020 AL gồm 33 phần, bà N tham gia 04 phần. Bà N hốt lần thứ 2 được 6.590.000đ, hốt lần thứ 3 được 6.394.000đ. Bà N đóng được 02 phần hụi sống số tiền: 1.386.000đ. Hụi mãn ngày 11/11/2020. Bà N nợ 30 phần hụi chết là 18.000.000đ – 1.386.000đ còn nợ 16.614.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng).

Tổng cộng 12 dây hụi nói trên, bà N và ông P tham gia 37 phần đã hốt và không đóng lại hụi chết cho bà C còn nợ số tiền: 394.414.000 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng).

* H cho mượn hốt:

13. Bà cho bà N mượn hốt 2 phần hụi. Dây hụi nữa tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 15/01/2019 AL, gồm 35 phần: Ngày 30/6/2019 A, bà N hốt 01 phần lần 12 được 26.800.000đ; Ngày 30/10/2019 AL, bà N hốt lần thứ 20 được số tiền: 29.200.000đ. Mỗi lần khui hụi bà N bù 300.000đ, người chơi hụi đóng vốn hụi sống. Bà N bù được 32 lần, còn nợ 02 lần bù hụi của 02 phần hụi là 1.200.000đ. Hụi mãn ngày 15/5/2020, hốt chót 34 phần (của 02 phần hụi) là

68.000.000đ. Dây hụi này bà N còn nợ 69.200.000đ (Sáu mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng).

14. Bà N mượn hốt 05 phần hụi của dây hụi 500.000đ, mười ngày khui 01 lần, khui ngày 10/6/2019 AL gồm 37 phần, bà N hốt hết 05 phần đã giao hụi cho bà N: Ngày 30/8/2019 hốt 01 phần lần thứ 9, giao 13.600.000đ; Ngày 20/10/2019 hốt 01 phần lần thứ 14, giao 14.350.000đ; Ngày 10/01/2020 hốt 02 phần lần thứ 22, giao 31.100.000đ; Ngày 30/3/2020 hốt 01 phần lần thứ 30, giao 16.750.000đ.

Tới mỗi lần khui hụi thì bà N bù 150.000đ, người chơi đóng hụi sống. Bà N bù được 33 lần, hụi mãn ngày 10/5/2020. Như vậy, 01 phần hụi hốt chót được bà N mượn phải trả là: 18.000.000đ x 5 phần = 90.000.000đồng. Bà N còn nợ 03 lần bù hụi của 05 phần số tiền 2.250.000đồng. Tổng cộng bà N còn nợ là: 92.250.000đ (Chín mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

15. Bà N mượn hốt 03 phần của dây hụi tuần 200.000đ, khui ngày 01/12/2019 AL, gồm 32 phần: Ngày 19/02/2020 bà N hốt 02 phần lần thứ 12, giao 10.800.000.000đ; Ngày 26/02/2020 hốt 01 phần lần thứ 13, giao 5.435.000đ.

Hụi hốt chót mỗi phần được 6.200.000đồng x 3 phần = 18.600.000đ. Dây hụi này bà N còn nợ 720.000 tiền bù hụi. Tổng cộng bà N nợ 19.320.000đ (Mười chín triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

16. Bà C cho bà N mượn hốt 03 phần của dây hụi tuần 300.000đ, khui ngày 16/01/2020, gồm 33 phần: Ngày 18/4/2020 AL, bà N hốt 03 phần lần 14, giao 24.360.000 đồng. Sau khi trừ huê hồng bà N còn nợ 22.737.000đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

Như vậy bà N và ông P đã nợ tiền mượn hụi hốt (Không đóng lại hụi chót cho hụi viên) 13 phần, còn nợ số tiền: 203.507.000đồng (Hai trăm lẻ ba triệu năm trăm lẻ bảy ngàn đồng) và nợ hụi tham gia hốt không đóng lại là: 394.414.000 đồng. (Ba trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm mười bốn ngàn đồng). Tổng cộng, bà N và ông P nợ bà C số tiền hụi là: 597.921.000đồng (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn đồng). Nay bà C yêu cầu bà Võ Thu N và ông Trần Văn P, phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền nợ hụi là: 597.921.000đồng (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn đồng) yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn Võ Thị Thu N và Trần Văn P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không nộp bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 và quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 18/2024/QĐ-SCBSBA ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T.

Buộc bà Võ Thị Thu N và ông Trần Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ hụi 593.921.000đ (Năm trăm chín mươi ba triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng). Việc trả tiền thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà N, ông P chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/- Đình chỉ giải quyết đối với số tiền nợ hụi 4.000.000đ mà bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Trần Văn P và bà Võ Thị Thu N phải liên đới trả.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, bị đơn Trần Văn P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn P liên đới với bà Võ Thị Thu N trả số tiền hụi 593.921.000 đồng.

*** Tại phiên tòa:**

- Ông Trần Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Tạ Kim T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông P. Cả hai không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Trần Văn P còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Bà Võ Thị Thu N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Ông Trần Văn P kháng cáo cho rằng ông hoàn toàn không biết việc tham gia chơi hụi của vợ ông là Võ Thị Thu N, ông không có tham gia chơi cùng và cũng không có tên trong danh sách hụi viên, các hụi viên có tham gia chơi hụi với vợ ông cũng chỉ xác định là chỉ chơi chung với bà N, ngoài ra bà N cũng không sử dụng số tiền hốt hụi vào mục đích chung của gia đình như chi tiêu, xây nhà hay cho con đi học như cấp sơ thẩm đã nhận định, vì vậy ông P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông P có nghĩa vụ liên đới cùng với bà N trả số tiền nợ hụi 593.921.000 đồng cho bà C.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông P là không có căn cứ, bởi lẽ:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà N và ông P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002, hiện bà N là thành viên hộ gia đình ông P và vẫn sống chung hộ với chồng là ông Trần Văn P.

Tuy ông P không trực tiếp tham gia chơi hụi, không ký tên vào biên nhận nợ, nhưng tại thời điểm giao dịch dân sự giữa bà C với bà N phát sinh, thì ông P và bà N vẫn còn là vợ chồng.

Bà C trình bày bà N hốt hụi sử dụng vào việc chi tiêu trong gia đình như nuôi con ăn học và xây sửa nhà cửa. Ông P cho rằng mọi chi tiêu trong gia đình ông P là người chi trả nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tại phiên toà ông P trình bày sau khi biết bà N nợ tiền hụi của bà C thì ông P có đến gặp vợ chồng bà C để xin không trả tiền lãi và xin trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ nhưng vợ chồng bà C không đồng ý, nên có đủ cơ sở xác định ông P biết việc chơi hụi, nợ hụi của bà N.

Xét, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông P không chứng minh được bà N sử dụng số tiền này cho nhu cầu cá nhân, cho nên ông P cũng phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ này của bà N theo quy định tại Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1/- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận yêu cầu toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1.1.Buộc bà Võ Thị Thu N và ông Trần Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ hụi 593.921.000 đồng (Năm trăm chín mươi ba triệu, chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N, ông P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2.Đình chỉ giải quyết đối với số tiền nợ hụi 4.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Trần Văn P và bà Võ Thị Thu N phải liên đới trả.

2/- Về án phí: Bà Võ Thị Thu N và ông Trần Văn P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.756.500 đồng (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm đồng).

Ông Trần Văn P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002931 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

H1 lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí 13.878.000 đồng (Mười ba triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng) theo biên lai số 0002282 ngày 22/01/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/12/2024 có mặt ông Trần Văn P, vắng bà Tạ Kim T.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Huyện C;
- CCTHADS Huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn (Thắm)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy